TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày 16/01/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân T

Bà Lường Thị H

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn L - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 86/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Đình D; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1989; tại thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình H và bà Lương Thị T; vợ là Dư Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: bị tạm giữ từ ngày 05/6/2024 sau đó chuyển tạm giam đến ngày 16/8/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Khả T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Anh Trần N, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/6/2024, theo tố giác của công dân, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành triệu tập Lê Đình D để làm việc. Tại cơ quan điều tra, Lê Đình D đầu thú, khai nhận từ khoảng tháng 3 năm 2022 đến ngày 05/6/2024, Lê Đình D cho nhiều người vay tiền lấy lãi với mức lãi suất cho vay dao động từ 3.300 đồng/triệu/ngày đến 5.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng mức lãi suất từ 121,66%/năm đến 182,5%/năm). Thời điểm bắt đầu cho vay, D sử dụng 200.000.000^{đ} (*Hai trăm triệu đồng*) vốn của bản

thân để thực hiện việc cho vay và sử dụng tài khoản ngân hàng số: 9797979898989, ngân hàng MB, chủ tài khoản Lê Đình D để thực hiện các giao dịch cho vay. Khi có người hỏi vay tiền, D sẽ thỏa thuận về lãi suất với người vay, khi hai bên đồng ý thống nhất, D yêu cầu người có nhu cầu vay tiền cung cấp số tài khoản để D chuyển tiền. Khi chuyển tiền thì D sẽ trừ số tiền thu lãi của tháng đầu và chuyển số tiền còn lại cho người vay. Quá trình hoạt động cho vay, D thống nhất với người vay các điều kiện của lần vay, D sẽ trực tiếp cho vay, cắt lãi tháng đầu, tiếp tục thu tiền lãi của người vay các tháng tiếp theo bằng hình thức nhận tiền mặt trực tiếp hoặc nhận tiền qua tài khoản ngân hàng. Nếu trường hợp người vay không có thỏa thuận về ngày trả nợ thì khi nào người vay trả hết tiền gốc và tiền lãi thì được xem là tất toán khoản vay. Những trường hợp do người vay gặp khó khăn về kinh tế dẫn đến việc không trả được nợ thì D thống nhất hạ mức lãi suất.

Quá trình điều tra xác định, Lê Đình D cho 02 người vay tiền có các khoản vay lãi suất gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm), cụ thể:

1. Cho anh Lê Khả T, sinh năm 1983, trú tại phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vay tiền 02 lần:

Lần 1: Ngày 30/3/2022, Lê Đình D cho anh T vay số tiền là 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* bằng hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tương ứng với mức lãi suất 121,66%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và chuyển cho anh Tsố tiền là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*). Tính đến ngày 30/7/2023, anh T phải trả cho D 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) tiền lãi, trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 133.315.069đ (*Một trăm ba mươi ba triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu chín đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 26.684.931đ (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mốt đồng*). Thực tế, anh T đã trả cho D số tiền 135.000.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) tiền lãi, anh T còn nợ số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) tiền lãi. Từ ngày 31/7/2023, anh Tâm không còn khả năng trả lãi nên D đã hạ lãi suất xuống mức 2.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 73%/năm. Tính đến ngày 05/6/2024 anh Tâm vẫn chưa trả tiền gốc vay cho D.

Lần 2: Ngày 20/4/2022, Lê Đình D cho anh T vay số tiền là 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* bằng hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tương ứng với mức lãi suất 121,66%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và chuyển cho anh T số tiền là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*). Tính đến ngày 30/7/2023, hai bên chốt nợ, theo đó anh Tphải trả cho D là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền lãi, trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 124.465.754đ (*Một trăm hai mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm tư đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 25.534.246đ (*Hai mươi lăm triệu năm trăm ba tư nghìn hai trăm bốn sáu đồng*). Thực tế, anh T đã trả cho D số tiền 125.000.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*) tiền lãi, còn nợ lại số tiền lãi là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Từ ngày 31/7/2023 anh T không còn khả năng trả lãi nên D đã hạ lãi suất xuống mức 2.000

đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 73%/năm. Tính đến ngày 05/6/2024 anh Tvẫn chưa trả tiền gốc vay cho D.

2. Cho anh Trần N, sinh năm 1990, trú tại thôn P, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vay tiền 17 lần vay tiền, cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/5/2023, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 60.000.000đ *(sáu mươi triệu đồng)* bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 146%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 52.800.000đ (*Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*). Đến ngày 15/02/2024, anh N đã trả toàn bộ tiền lãi và tiền gốc của khoản vay. Tổng số tiền lãi anh N đã trả cho D là 64.800.000đ (*Sáu mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 55.561.644đ (*Năm mươi lăm triệu năm trăm sáu mốt nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.238.356đ (*Chín triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm sáu đồng*).

Lần 2: Ngày 18/5/2023, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 60.000.000đ *(sáu mươi triệu đồng)* bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) và chuyển cho N số tiền là 51.000.000đ (*Năm mươi mốt triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*). Tính đến ngày 05/6/2024, anh N đã thanh toán cho D tổng số tiền lãi là 117.000.000đ (*Một trăm mười bảy triệu đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 104.375.343đ (*Một trăm linh tư triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.624.657đ (*Mười hai triệu sáu trăm hai tư nghìn sáu trăm năm bảy đồng*). Anh N chưa trả tiền gốc cho D.

Lần 3: Ngày 03/6/2023, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) bằng hình thức vay tín chấp. Trả tiền lãi đầu tháng. Tháng đầu tiên, mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) và chuyển cho Tú số tiền là 51.000.000đ (*Năm mươi mốt triệu đồng*). Từ tháng thứ hai mức lãi suất là 4.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 146%/năm, mỗi lần trả số tiền 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*). Tính đến ngày 05/6/2024, anh N đã trả cho D tổng số tiền lãi là 86.700.000đ (*Tám mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 74.601.370đ (*Bảy mươi tư triệu sáu trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.098.630đ (*Mười hai triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*). Anh N chưa trả tiền gốc cho D.

Lần 4: Ngày 27/8/2023, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 40.000.000đ *(bốn mươi triệu đồng)* bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) và chuyển cho N số tiền là 34.000.000đ (*Ba mươi tư triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Đến ngày 05/6/2024, anh N đã thanh toán cho D tổng số tiền lãi là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 53.797.261đ (*Năm mươi ba triệu bảy trăm chín*

bảy nghìn hai trăm sáu mốt đồng); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.202.739^{đ} (*Sáu triệu hai trăm linh hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*). Anh N chưa trả tiền gốc cho D.

Lần 5: Ngày 18/10/2023, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 70.000.000^{đ} (*Bảy mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 10.500.000^{đ} (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 59.500.000^{đ} (*Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 10.500.000^{đ} (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*). Tính đến ngày 05/6/2024, anh N đã thanh toán cho D tổng số tiền lãi là 84.000.000^{đ} (*Tám mươi tư triệu đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 75.139.726^{đ} (*Bảy mươi lăm triệu một trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.860.274^{đ} (*Tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy tư đồng*). Anh N chưa trả tiền gốc cho D.

Lần 6: Ngày 07/12/2023, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 30.000.000^{đ} (*Ba mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 4.500.000^{đ} (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) và chuyển khoản cho anh N số tiền là 25.500.000^{đ} (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 4.500.000^{đ} (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Tính đến ngày 05/6/2024, anh N thanh toán cho D tổng số tiền lãi là 31.500.000 (*Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 28.524.658^{đ} (*Hai mươi tám triệu năm trăm hai tư nghìn sáu trăm năm tám đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.975.342^{đ} (*Hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn hai đồng*). Anh N chưa trả tiền gốc cho D.

Lần 7: Ngày 09/12/2023, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 50.000.000^{đ} (*Năm mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 7.500.000^{đ} (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 42.500.000^{đ} (*Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 7.500.000^{đ} (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Đến ngày 15/02/2024, anh N đã tất toán khoản vay. Tổng số tiền lãi anh N đã trả cho D là 15.000.000^{đ} (*Mười lăm triệu đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 13.082.192^{đ} (*Mười ba triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín hai đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.917.808^{đ} (*Một triệu chín trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng*).

Lần 8: Ngày 18/12/2023, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 50.000.000^{đ} (*Năm mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 7.500.000^{đ} (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 42.500.000^{đ} (*Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 7.500.000^{đ} (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Tính đến ngày 05/6/2024, anh N đã

thanh toán cho D tổng số tiền lãi là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 40.342.466đ (*Bốn mươi triệu ba trăm bốn hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.657.534đ (*Bốn triệu sáu trăm năm bảy nghìn năm trăm ba tư đồng*). Anh N chưa trả tiền gốc cho D.

Lần 9: Ngày 31/12/2023, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 42.500.000đ (*Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Tính đến ngày 05/6/2024, anh N đã thanh toán cho D tổng số tiền lãi là 45.000.000 (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 40.698.630đ (*Bốn mươi triệu sáu trăm chín tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.301.370đ (*Bốn triệu ba trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*). Anh N chưa trả tiền gốc cho D.

Lần 10: Ngày 09/01/2024, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Đến ngày 15/02/2024, anh Tú đã tất toán khoản vay. Tổng số tiền lãi anh N đã trả cho D là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 5.594.521đ (*Năm triệu năm trăm chín tư nghìn năm trăm hai mốt đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 405.479đ (*Bốn trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy chín đồng*).

Lần 11: Ngày 18/01/2024, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 34.000.000đ (*Ba mươi tư triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Đến ngày 15/02/2024, anh N đã tất toán khoản vay, tổng số tiền lãi anh N đã thanh toán cho D là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 5.342.466đ (*Năm triệu ba trăm bốn hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 657.534đ (*Sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba tư đồng*).

Lần 12: Ngày 21/02/2024, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 59.500.000đ (*Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*). Tính đến ngày 05/6/2024, tổng số tiền lãi anh N phải trả cho D là 36.750.000đ *(Ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi*

nghìn đồng), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 32.722.603đ (*Ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.027.397đ (*Bốn triệu không trăm hai bảy nghìn ba trăm chín bảy đồng*). Anh N đã trả cho D 31.500.000đ (*Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền lãi và chưa trả tiền gốc của khoản vay.

Lần 13: Ngày 08/3/2024, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 42.500.000đ (*Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Tính đến ngày 05/6/2024, anh N đã trả cho D tổng số tiền lãi là 22.500.000đ (*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 20.061.644đ (*Hai mươi triệu không trăm sáu mốt nghìn sáu trăm bốn mươi tư đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.438.356đ (*Hai triệu bốn trăm ba tám nghìn ba trăm năm sáu đồng*). Anh N chưa trả tiền gốc cho D.

Lần 14: Ngày 17/3/2024, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 40.000.000đ *(bốn mươi triệu đồng)* bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 34.000.000đ (*Ba mươi tư triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).Tính đến ngày 05/6/2024, anh N phải trả cho D tổng số tiền lãi là 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 14.246.576đ (*Mười bốn triệu hai trăm bốn sáu nghìn năm trăm bảy sáu đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.753.424đ (*Một triệu bảy trăm năm ba nghìn bốn trăm hai tư đồng*). Anh N đã trả cho D 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) tiền lãi và chưa trả tiền gốc của khoản vay.

Lần 15: Ngày 01/4/2024, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 40.000.000đ *(bốn mươi triệu đồng)* bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. Dũng cắt lãi tháng đầu là 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)* và chuyển cho anh N số tiền là 34.000.000đ *(Ba mươi tư triệu đồng)*. Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)*. Tính đến ngày 05/6/2024, anh N phải trả cho D tổng số tiền lãi là 13.000.000đ *(Mười ba triệu đồng)*, trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 11.575.343đ *(Mười một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn ba đồng)*; số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.424.657đ *(Một triệu bốn trăm hai tư nghìn sáu trăm năm bảy đồng)*. Anh N đã trả cho D 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)* tiền lãi và chưa trả tiền gốc của khoản vay.

Lần 16: Ngày 21/4/2024, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. D cắt lãi tháng đầu là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 42.500.000đ (*Bốn mươi hai triệu năm trăm*

nghìn đồng). Hai bên thỏa thuận trả lãi theo chu kỳ là 30 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần trả số tiền 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Tính đến ngày 05/6/2024, anh N phải trả cho D tổng số tiền lãi là 11.250.000đ (*Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 10.017.123đ (*Mười triệu không trăm mười bảy nghìn một trăm hai ba đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.232.877đ (*Một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy bảy đồng*). Anh N đã trả cho D 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền lãi và chưa trả tiền gốc của khoản vay.

Lần 17: Ngày 07/5/2024, Lê Đình D cho anh N vay số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm. Thời hạn vay là 15 ngày. D cắt lãi là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) và chuyển cho anh N số tiền là 18.500.000đ (*Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngày 21/5/2024, anh N trả tiền gốc và tất toán khoản vay. Tổng số tiền lãi anh N đã trả cho D là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó: số tiền thu lợi bất chính là 1.335.616đ (*Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*); số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 164.384đ (*một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám tư đồng*).

Ngày 05/6/2024, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Đình D không thu giữ được chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng của D. Tiến hành kiểm tra điện thoại do Lê Đình D giao nộp ghi nhận hình ảnh D chụp lại sổ cho vay.

Ngày 19/6/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H ra quyết định trưng cầu giám định số 788/QĐ-ĐCSHS trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định phục hồi, trích xuất dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn SMS, tin nhắn zalo, tin nhắn messenger đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu vàng; số máy A2894, có IMEI: 355597828859997; IMEI 2: 355597828890703, kèm theo 01 sim có ghi số: 8984048000016468645 do Lê Đình D giao nộp.

Tại Kết luận giám định số 2064/KL-KTHS ngày 12/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: tìm thấy 4908 lịch sử cuộc gọi, 210 tin nhắn SMS, 45274 tin nhắn Zalo, 335 ảnh chụp màn hình thể hiện tin nhắn Facebook messenger.

Quá trình nghiên cứu tài liệu trong phụ lục được phục hồi xác định không có tài liệu liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng.

Cáo trạng số 98/CT-VKSHH ngày 12/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Lê Đình D về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; Điều 15; khoản 2 Điều 35; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; khoản 3, Điều 57; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đình D từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước: số tiền 100.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Truy thu tiếp của bị cáo để tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 47.199.994 đồng. Truy thu nộp ngân sách nhà nước: của anh Lê Khả T số tiền 200.000.000 đồng; của anh Trần N số tiền 610.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính cho anh Lê Khả T là 207.780.823 đồng. Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu vàng;

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2022 đến ngày 05/6/2024, Lê Đình D đã thực hiện 19 lần các giao dịch cho vay lãi nặng với mức lãi suất cho vay dao động từ 3.300đồng/triệu/ngày đến 5.000đồng/triệu/ngày (tương ứng mức lãi suất từ 121,66%/năm đến 182,5%/năm), đối với 02 người vay là anh Lê Khả T và anh Trần N cao hơn gấp 05 lần so với mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định tại Điều 468 về lãi suất vay "*không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*". Tổng số tiền gốc trong 19 lần cho vay là 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng)* với tổng số tiền lãi nhằm mục đích thu được là 972.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi tối đa theo quy định trong Bộ luật dân sự là 127.199.994 đồng, số tiền thu lợi bất chính nhằm thu được là 844.800.005 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Lê Đình D về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về hoạt động tín dụng, lợi ích của công dân. Trong 19 lần bị cáo thực hiện cho vay lãi nặng, có 10 lần số tiền thu lời bất chính trên 30.000.000 đồng, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng và hoàn trả toàn bộ số tiền thu lời bất chính cho anh Trần N để khắc phục một phần hậu quả, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo đầu thú, có thời gian tham gia quân ngũ và hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về, bố bị cáo lại là thương binh thuộc trường hợp gia đình có công với cách mạng, đây được coi là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, số tiền bị cáo nhằm thu lời

bất chính là 844.800.005 đồng, nhưng trên thực tế bị cáo mới nhận số tiền thu lời bất chính của hai người vay là 780.800.005 đồng, nên theo quy định tại khoản 5, Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán, Toà án nhân dân tối cao, bị cáo được hưởng thêm tình tiết phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 và khoản 3, Điều 57 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đã đầu thú và khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng mức hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ khả năng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Cần thiết phải áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự để phạt bị cáo một khoản tiền để nộp Ngân sách nhà nước.

[4]. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: đối với 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu vàng, đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, kết luận giám định thể hiện không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Về số tiền bị cáo cho vay: Tổng số tiền của 19 lần bị cáo cho vay là 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo không cho vay cùng một lúc tất cả số tiền trên, mà một số khoản vay sau khi anh N trả nợ thì bị cáo lại tiếp tục cho anh N vay lại, cụ thể: tính đến ngày 18/01/2024, bị cáo cho anh T vay hai lần và cho anh N vay 11 lần với tổng số tiền là 730.000.000 đồng, sau đó bị cáo tất toán với anh N các khoản vay ngày 10/05/2023, 09/12/2023, 09/01/2024 và ngày 18/01/2024 với tổng số tiền gốc thu về là 170.000.000 đồng. Sau khi thu các khoản vay này về cho đến khi hành vi của bị cáo bị phát hiện, bị cáo còn cho anh N vay sáu lần nữa với tổng số tiền cho vay là 270.000.000 đồng. Như vậy, thực chất D chỉ sử dụng số tiền 830.000.000 đồng để cho vay quay vòng nhiều lần, trong đó anh T chưa trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng, anh N chưa trả số tiền gốc là 610.000.000 đồng, bị cáo đã nhận lại số tiền gốc lần cuối cho anh N vay vào ngày 07/5/2024 là 20.000.000 đồng. Phải truy thu số tiền gốc vay của người vay chưa trả và truy thu số tiền gốc vay bị cáo đã nhận lần cuối của N để sung quỹ nhà nước.

Về số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay được xác định là 127.199.994 đồng, số tiền này cũng phải truy thu của bị cáo nộp ngân sách nhà nước.

Tổng cộng số tiền phải truy thu của bị cáo là 147.199.994 đồng. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp được 100.000.000 đồng, phải tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền này. Số còn lại 47.199.994 đồng, phải tiếp tục truy thu của bị cáo để nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo đã thu lời bất chính: Quá trình điều tra và tại phiên toà đã xác định được bị cáo đã nhận số tiền thu lời bất chính của anh Trần N là 573.019.182 đồng và nhận số tiền thu lời bất chính của anh Lê Khả T là 207.780.823 đồng. Bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền này cho anh N. Riêng số tiền thu lời bất chính của anh T, bị cáo chưa hoàn trả nên phải trả lại cho anh T.

[5]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; Điều 15; khoản 2 Điều 35; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; khoản 3, Điều 57; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Bị cáo Lê Đình D phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Đình D 18 *(Mười tám)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 *(Ba mươi sáu)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Đình D cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* nộp ngân sách nhà nước.

4. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 0001852 ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Truy thu tiếp của bị cáo để tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 47.199.994đ *(Bốn mươi bảy triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín tư đồng)*.

Truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước của anh Lê Khả T số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)*.

Truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước của anh Trần N số tiền 610.000.000đ *(Sáu trăm mười triệu đồng)*.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính cho anh Lê Khả T là 207.780.823đ *(Hai trăm linh bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai ba đồng)*.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu vàng (Đặc điểm của chiếc điện thoại theo biên bản giao nhận vật chứng số 19/BBGN ngày 29/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H).

5. Về án phí:

Buộc bị cáo Lê Đình D phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H*
- *Công an huyện H;*
- *Bị cáo;*
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Văn Hồng